

BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63 /TMBG-VDD

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc cung cấp báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao cho hoạt động “Đánh giá thực trạng ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm của một số thực phẩm bao gói sẵn tại Việt Nam” của Viện Dinh dưỡng.

Danh mục báo giá: *Chi tiết theo mẫu đính kèm.*

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí dịch vụ (nếu có). Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Báo giá bằng giá tiền đồng Việt Nam.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở lựa chọn nhà cung cấp.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu và gửi qua Email).

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị; Phòng Văn thư, Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

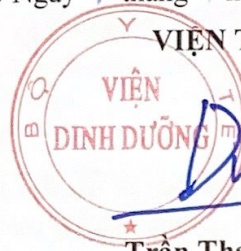
Điện thoại: 0243.9717090

Email: thauvtqt.nin@gmail.com.

Thời gian gửi báo giá: Trước 12 giờ 00 Ngày 4 tháng 4 năm 2025.

Nơi nhận:

- Đăng: Website Viện;
- Lưu VT, VTQT, TCKT.



Trần Thanh Dương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số **63** /TMBG-VDD ngày **1** tháng **4** năm 2025)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Hóa chất, vật tư tiêu hao				
1	Acid hydrochloric	Hóa chất Acid hydrochloric tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết ≥ 37 %. Chất không bay hơi ≤ 10 ppm. Quy cách: 1 lít/chai.	Chai	3	
2	Bình định mức thủy tinh 1000 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat 3.3, cổ mài NS 24/29, đáy bằng, nắp nhựa, độ chính xác cấp A, thang chia vạch thể tích dễ đọc, có vùng ghi nhãn, tiêu chuẩn USP. Quy cách: chiếc.	Chiếc	2	
3	Bơm tiêm y tế nhựa 5 ml	Bơm tiêm 5ml (cỡ kim: 23x1"), chất liệu nhựa y tế được đóng trong từng túi nilong riêng biệt. Quy cách: 100 chiếc/hộp.	Hộp	5	
4	Cốc thủy tinh có mỏ 1000 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A, có vùng ghi nhãn. Dung tích 1000 ml. Quy cách: chiếc.	Chiếc	2	
5	Đầu lọc mẫu Hydrophilic PTFE 0,45 μ m	Đầu lọc mẫu Hydrophilic PTFE loại 0,45 μ m, đường kính 13mm Kích cỡ lỗ 0,45 μ m, đường kính 13 mm, chất liệu PTFE. Đầu lọc mẫu ưa nước. Quy cách: 100 chiếc/hộp.	Hộp	12	
6	Đầu tip có chia vạch, dung tích 100 - 1000 μ l	Đầu tip thể tích 1000 μ l. Chiều dài 71 mm. Vật liệu: nhựa, có vạch chia thể tích, chịu acid và dung môi hữu cơ. Quy cách: 1000 chiếc/túi.	Túi	2	
7	Đầu tip có chia vạch, dung tích 20 - 200 μ l	Đầu tip thể tích 200 μ l. Chiều dài 53 mm. Vật liệu: nhựa, có vạch chia thể tích, chịu acid và dung môi hữu cơ. Quy cách: 1000 chiếc/túi.	Túi	1	
8	Dyethyl ether	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99,7$ %. Tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng: ACS, Reag.Ph Eur. Cặn bay hơi ≤ 20 mg/l, hàm lượng nước $\leq 0,03$ %. Quy cách: 1 lít/chai.	chai	1	

TÊN
DƯỠNG

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Găng tay không bột, Việt Nam	Găng tay y tế không có bột talc, chất liệu cao su. Quy cách: 50 đôi/hộp.	Hộp	1	
10	Giấy lọc tròn	Đường kính 110 mm. Quy cách: 100 tờ/hộp.	hộp	8	
11	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 4 lớp. Có thanh nhôm kim loại tạo sự ôm khít mặt, thành phần: gác không dệt, màng lọc khuẩn. Khử khuẩn bằng EO (ethylene oxide), đạt tiêu chuẩn khẩu trang y tế. Quy cách: 50 chiếc/hộp.	Hộp	8	
12	Khí acetylen (C_2H_2)	Độ tinh khiết: 98 %. Quy cách: 40 lít/bình.	Bình	2	
13	Lọ đựng mẫu thủy tinh thể tích 2 ml	Sử dụng cho máy HPLC. Chất liệu thủy tinh màu trắng hoặc tối màu, có vạch chia thể tích và nhãn ghi, cổ lọ đường kính 9 mm, có nắp nhựa xoáy kèm đệm septa xẻ rãnh bằng chất liệu PTFE/ silicone. Quy cách: 100 chiếc/hộp.	Hộp	5	
14	Micropipet 100 - 1000 μ l	Dung tích 100-1000 μ L. Sai số $\leq \pm 3 \mu$ L tại 100 μ L, $\leq \pm 6 \mu$ L tại 1000 μ L. Điều chỉnh thể tích từ 100-1000 μ L. Piston có khả năng chống ăn mòn, có khả năng hút được chất lỏng có độ nhớt ≥ 260 cps. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số. Quy cách: chiếc.	Chiếc	2	
15	Micropipet 20 - 200 μ l	Dung tích 20-200 μ L. Sai số $\leq \pm 0,6 \mu$ L tại 20 μ L, $\leq \pm 1,2 \mu$ L tại 200 μ L. Điều chỉnh thể tích từ 20-200 μ L. Piston có khả năng chống ăn mòn, có khả năng hút được chất lỏng có độ nhớt ≥ 260 cps. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
16	Ống ly tâm	Ống ly tâm dung tích 15 ml có nắp xoáy kín. Chất liệu nhựa PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Chịu được nhiệt độ: -80	Túi	5	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	nhựa 15 ml	°C đến 120 °C. Chịu được lực ly tâm tối đa 12500 x g. Quy cách: 50 chiếc/túi.			
17	Petroleum ether	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích. Khoảng nhiệt độ sôi: 30-60 °C. Quy cách: 500 ml/chai.	Chai	40	
18	Phễu thủy tinh	Đường kính 7 cm. Vật liệu thủy tinh trung tính. Quy cách: chiếc.	Chiếc	5	
19	Water for chromatography	Dùng cho LC-MS, cặn bay hơi ≤ 5 mg/l. Quy cách: 2,5 lít/chai.	Chai	25	